

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu bất động sản và chứng khoán

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HDB, BSR

[Vĩ mô/Chiến lược]

Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng 3Q2023 và triển vọng 2024

[Cập nhật công ty]

VCB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+-15)

07/12/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,121.49	-0.44
VN30	1,111.35	+0.19
HĐTL VN30F1M	1,112.00	+0.08
HNXIndex	231.84	-0.77
HNX30	497.12	-2.09
UPCoM	85.71	-0.70
USD/VND	24,282	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.34	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+6
Dầu (WTI, \$)	69.94	+0.81
Vàng (LME, \$)	2,032.91	+0.36



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,121.49 (-0.44%)
KLGD (triệu CP) 1,298.4 (+76.8%)
GTGD (triệu US\$) 1,130.3 (+52.2%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu bất động sản và chứng khoán với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 813.75 tỷ đồng, tập trung tại VHM (-1.85%), MSN (+2.25%), STB (+1.6%).

HNXIndex 231.84 (-0.77%)
KLGD (triệu CP) 185.2 (+70.1%)
GTGD (triệu US\$) 151.7 (+83.1%)

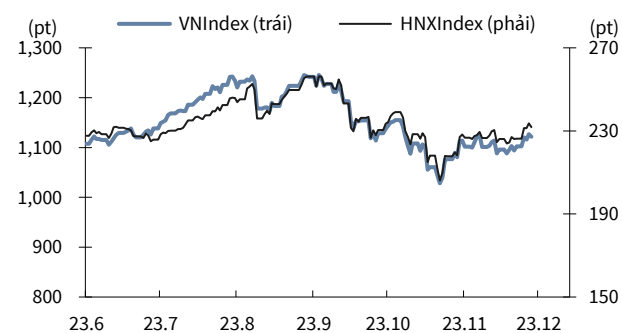
Chốt phiên giao dịch, giá dầu thô Brent giảm 3.8% xuống 74.3 USD/thùng, trong khi giá dầu thô WTI của Mỹ giảm 4.1% xuống 69.38 USD. Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở BSR(-2.07%), PVC(-3.11%).

UPCoM 85.71 (-0.70%)
KLGD (triệu CP) 51.0 (+46.1%)
GTGD (triệu US\$) 27.4 (+57.1%)

Giá đường giao sau tại New York giảm tới 7.9% vào thứ Tư (6/12), mức giảm lớn nhất trong 10 tháng sau thông tin Ấn Độ xem xét hạn chế sản xuất ethanol từ mía để tăng nguồn cung đường nội địa. Cổ phiếu ngành mía đường giảm giá ở SBT(-2.5%), LSS(-4.17%).

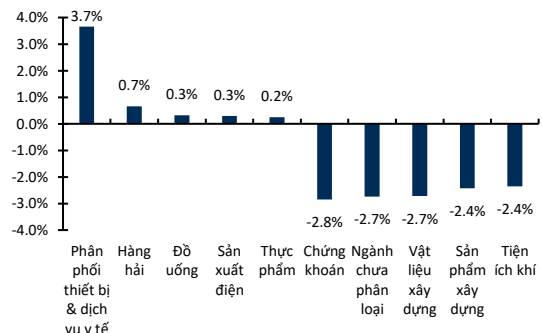
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -33.2

VNIndex & HNXIndex



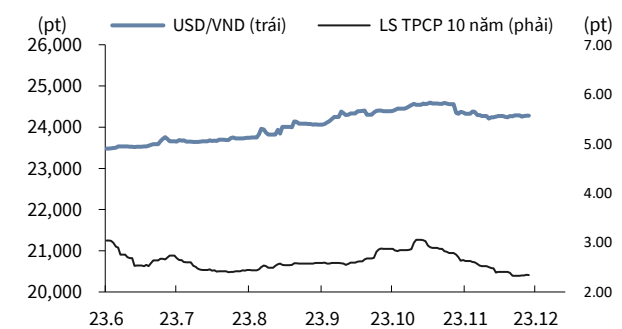
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

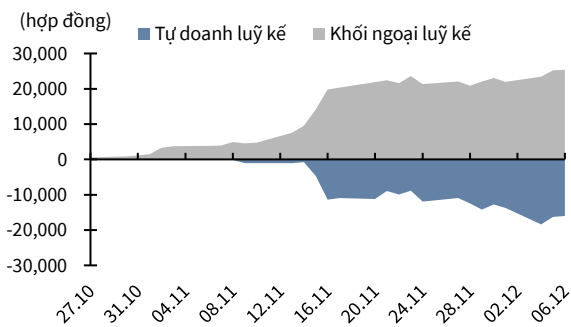
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,111.35 (+0.19%)
VN30F1M	1,112.0 (+0.08%)
Mở cửa	1,109.5
Cao nhất	1,118.0
Thấp nhất	1,097.4
KLGD (HĐ)	369,072 (+98.1%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa tại -0.07 điểm, sau đó biến động quanh mức 0.2 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 0.65 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

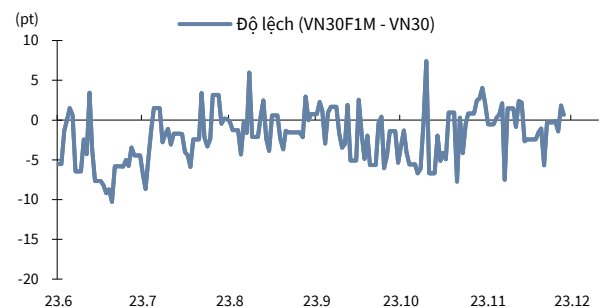
Khối ngoại mua ròng 1,534 HĐTL VN30F2312 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 26,921 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 2,114 hợp đồng tuy nhiên đang duy trì vị thế bán lũy kế 13,934 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



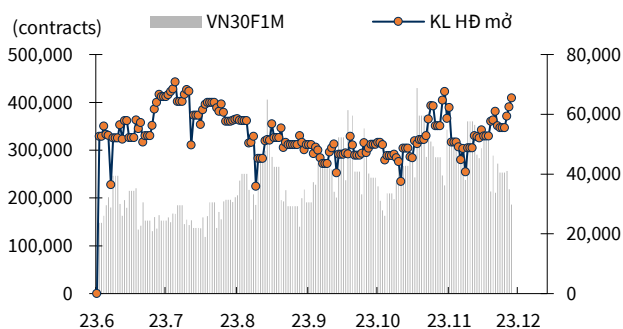
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



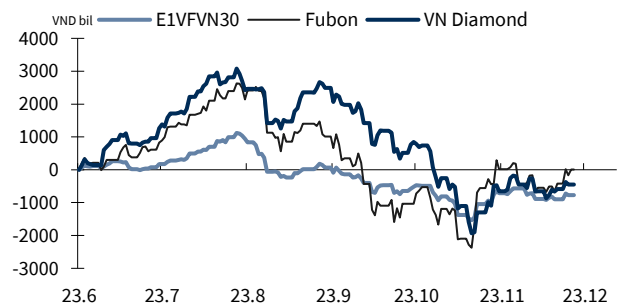
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

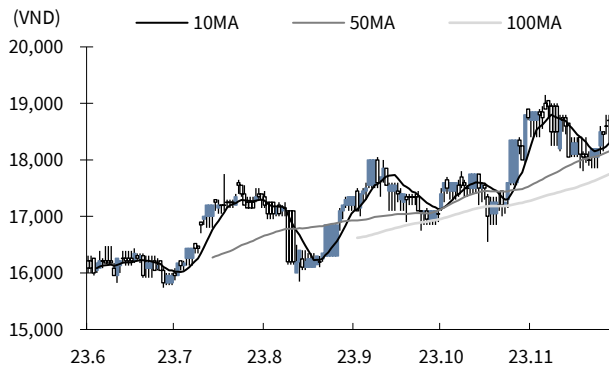
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB)

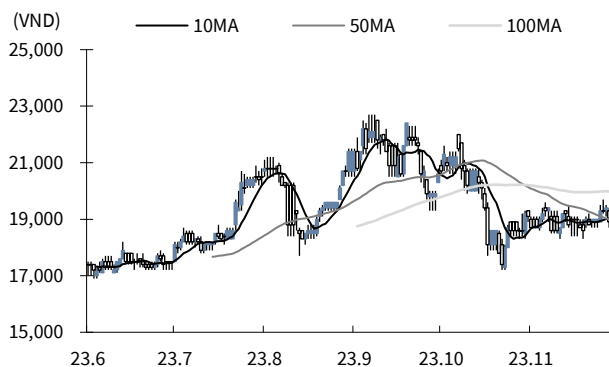


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HDB tăng 0.54% lên 18,700 VND/cp

- HDBank sẽ giao dịch thông qua phương thức thỏa thuận hoặc khớp lệnh, thời gian giao dịch từ 11/12/2023 đến 9/1/2024. Nếu giao dịch hoàn tất, HDBank sẽ giảm tỷ lệ sở hữu tại Vietjet từ 2% xuống 1.4%. Việc thoái vốn này phù hợp với kế hoạch giảm đầu tư ngoài ngành, tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của HDBank. Trước đó, trong 10 tháng đầu năm 2023, HDBank đã bán 16 triệu cổ phiếu Vietjet, giảm tỷ lệ sở hữu từ 4.9% xuống 2% và ghi nhận lợi nhuận khoảng 1,000 tỷ đồng.

CTCP Lọc - Hóa dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR giảm 2.07% xuống còn 18,900 VND/cp

- CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn vừa công bố ước tính kết quả kinh doanh 11 tháng đầu năm 2023 với tổng sản phẩm sản xuất đạt 6.7 triệu tấn, vượt 31% kế hoạch năm. Tổng doanh thu ước đạt 133,400 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước ước đạt 15,163 tỷ đồng. Năm 2023, công ty đặt kế hoạch tổng doanh thu gần 95,645 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1,628 tỷ đồng, giảm lần lượt 43% và gần 89% so với kết quả năm trước. Như vậy sau 11 tháng, BSR đã vượt 39% kế hoạch doanh thu năm.

07/12/2023

 Chuyên viên phân tích Vũ Thu Uyên
 uyenvt@kbsec.com.vn

KQKD Q3/2023: LNTT đạt 9,051 tỷ đồng (+19.6% YoY)

Tổng thu nhập hoạt động giảm 5.6% YoY đạt 15,777 tỷ đồng chủ yếu do thu nhập lãi thuần suy yếu (-7.8% YoY). LNTT của VCB vẫn ghi nhận tăng trưởng cao, đạt 9,051 tỷ đồng (+19.6% YoY), lũy kế 9 tháng hoàn thành 69% kế hoạch năm 2023 và tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu.

Tín dụng tăng tốc giai đoạn cuối năm 2023 và tăng trưởng bền vững trong năm 2024

Dự báo tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt 8.5% - cao gấp đôi mức tăng 3 quý nhờ: 1) Giải ngân vốn đầu tư công được đẩy mạnh vào quý cuối; và 2) Nhu cầu tín dụng tăng cao vào các dịp lễ tết. Chúng tôi cho rằng tiềm năng tăng trưởng tín dụng của VCB sẽ được thể hiện rõ nét hơn trong năm 2024 trong bối cảnh nền kinh tế đang có những dấu hiệu tích cực, kỳ vọng sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm sau.

NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện

NIM sẽ được duy trì ổn định trong quý 4 nhờ: (1) Tăng trưởng tín dụng tăng tốc sẽ giúp ngân hàng có sự phân bổ tài sản sinh lời một cách tối ưu hơn; 2) Chi phí vốn cải thiện do các khoản tiền gửi lãi suất cao đáo hạn.

Bộ đệm dự phòng vững chắc

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu vẫn đang ở mức cao nhất ngành (270%), điều này sẽ cho phép VCB linh hoạt trong việc giảm dự phòng và hỗ trợ lợi nhuận trong quý cuối năm và cả năm sau.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 109,600VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2024 của cổ phiếu VCB là 109,600 VND/cp, cao hơn 28.6% so với giá tại ngày 07/12/2023. Khuyến nghị MUA với cổ phiếu VCB.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu VND 109,600

Tăng/giảm	28.6%
Giá hiện tại (07/12/2023)	85,200
Giá mục tiêu đồng thuận	99,200
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/tỷ USD)	476,749/19.63

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	25.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	94.64/3.9
Sở hữu nước ngoài (%)	23.5%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (74.8%)

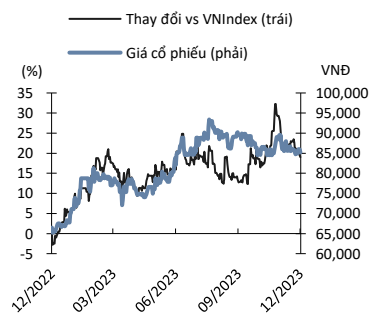
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3.5	-4.8	3.7	30.7
Tương đối	-7.1	5.5	2.6	22.4

Dự phóng KQKD & định giá

(tỷ VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	42,400	53,246	56,821	66,210
LN trước CF DPRRD (tỷ VNĐ)	39,149	46,832	50,958	58,748
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	21,939	29,919	33,574	39,094
EPS (đồng/cổ phiếu)	5,910	6,318	6,003	6,564
Tăng trưởng EPS (%YoY)	19%	7%	-5%	9%
PER (x)	14.5	13.5	14.2	13.0
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	29,421	28,663	29,031	38,503
PBR (x)	2.90	2.98	2.94	2.22
ROE (%)	21.6%	24.4%	22.5%	20.0%
Tỷ suất cổ tức (%)	1.41%	0.00%	1.41%	1.41%

Nguồn: KRSV ước tính



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

F I R S T
 M A R K E T

Ngành Ngân Hàng

Bức tranh đan xen những mảng sáng, tối

Tín dụng tăng tốc cuối năm, kỳ vọng về đích ở mức 10-11%

Chúng tôi duy trì quan điểm tăng trưởng tín dụng sẽ duy trì đà phục hồi tốt hơn trong quý 4, với mức tăng trưởng dự kiến cho cả năm nay là 10-11% dựa trên cơ sở (1) nhu cầu vay tiêu dùng được thúc đẩy trong các dịp lễ tết cuối năm; (2) mặt bằng lãi suất cho vay đã ở mức thấp và tiếp tục duy trì xu hướng giảm để thúc đẩy tín dụng; (3) NHNN vừa có thêm đợt cấp hạn mức tín dụng nên dư địa cho các ngân hàng vẫn còn nhiều. Sang năm 2024, KBSV kỳ vọng các lĩnh vực của nền kinh tế sẽ ấm dần lên, những khó khăn trên thị trường BĐS và TPDN sẽ tiếp tục được tháo gỡ. Mức tăng trưởng tín dụng năm 2024 kỳ vọng đạt 13-14%.

Thanh khoản hệ thống ổn định nhờ nguồn huy động dồi dào

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng vẫn ghi nhận tăng trưởng dương trong những tháng gần đây, đạt 5.8% YTD tính đến cuối tháng 9/2023. Hiện tại với tốc độ giải ngân tín dụng khá chậm, các ngân hàng sẽ không gặp vấn đề về thanh khoản do nguồn huy động năm nay tương đối dồi dào bởi mặt bằng lãi suất cao trong nửa đầu năm khiến kênh gửi tiết kiệm vẫn chiếm ưu thế hơn cả.

Tốc độ hồi phục của NIM sẽ chậm hơn dự kiến

Chúng tôi cho rằng tốc độ hồi phục của NIM sẽ chậm hơn dự kiến, thậm chí xu hướng giảm sẽ tiếp tục ở một số ngân hàng trong quý 4/2023. Sang năm 2024, mặt bằng lãi suất thấp sẽ được phản ánh hết vào CoF, trong khi lãi suất cho vay giảm chậm và có độ trễ. Trên cơ sở đó, chúng tôi kỳ vọng năm 2024 biên lãi thuần NIM của ngành ngân hàng sẽ có sự cải thiện rõ rệt hơn, nhưng chưa thể quay trở lại mức cao như năm 2022. Nhóm ngân hàng quốc doanh và ACB sẽ chứng kiến tốc độ cải thiện NIM khiêm tốn hơn các ngân hàng khác do đảm nhiệm vai trò “hỗ trợ nền kinh tế”.

Chất lượng tài sản cần phải lưu tâm trong năm 2024

Chúng tôi cho rằng chất lượng tài sản của các ngân hàng tạm thời sẽ được kiểm soát ở mức hiện tại cho đến hết năm 2023, tuy nhiên sẽ cần lưu ý hơn khi bước sang năm 2024. Những rủi ro khiến nợ xấu xấu hình thành trong năm sau có thể đến từ: (1) Thông tư 02 hết hiệu lực vào tháng 06/2024, các khoản nợ tái cơ cấu trước đây sẽ về đúng nhóm phân loại nợ; (2) Bộ đệm dự phòng của các ngân hàng thu hẹp trong năm 2023 khiến dư địa xử lý nợ cho năm sau không nhiều.

Triển vọng ngành: Những yếu tố tiêu cực đã được phản ánh vào giá cổ phiếu

Chúng tôi duy trì quan điểm trung lập với triển vọng năm 2024 của ngành ngân hàng. Dù vậy, giá cổ phiếu đã và đang phản ánh những yếu tố tiêu cực khiến mức giá hiện tại tương đối hấp dẫn. Hiện tại P/B ngành ngân hàng đang ở mức 1.4x – gần với mức đáy 2020 và 2022 (1.3x)

06/12/2023

Trung lập Theo dõi

Khuyến nghị	
VCB	Mua
Giá mục tiêu	109,600
BID	Mua
Giá mục tiêu	47,900
CTG	Mua
Giá mục tiêu	43,500
ACB	Mua
Giá mục tiêu	30,000
TCB	Mua
Giá mục tiêu	39,000
MBB	Mua
Giá mục tiêu	24,000
STB	Mua
Giá mục tiêu	36,600
VPB	Mua
Giá mục tiêu	24,500
TPB	Nắm giữ
Giá mục tiêu	20,600
MSB	Mua
Giá mục tiêu	17,900

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

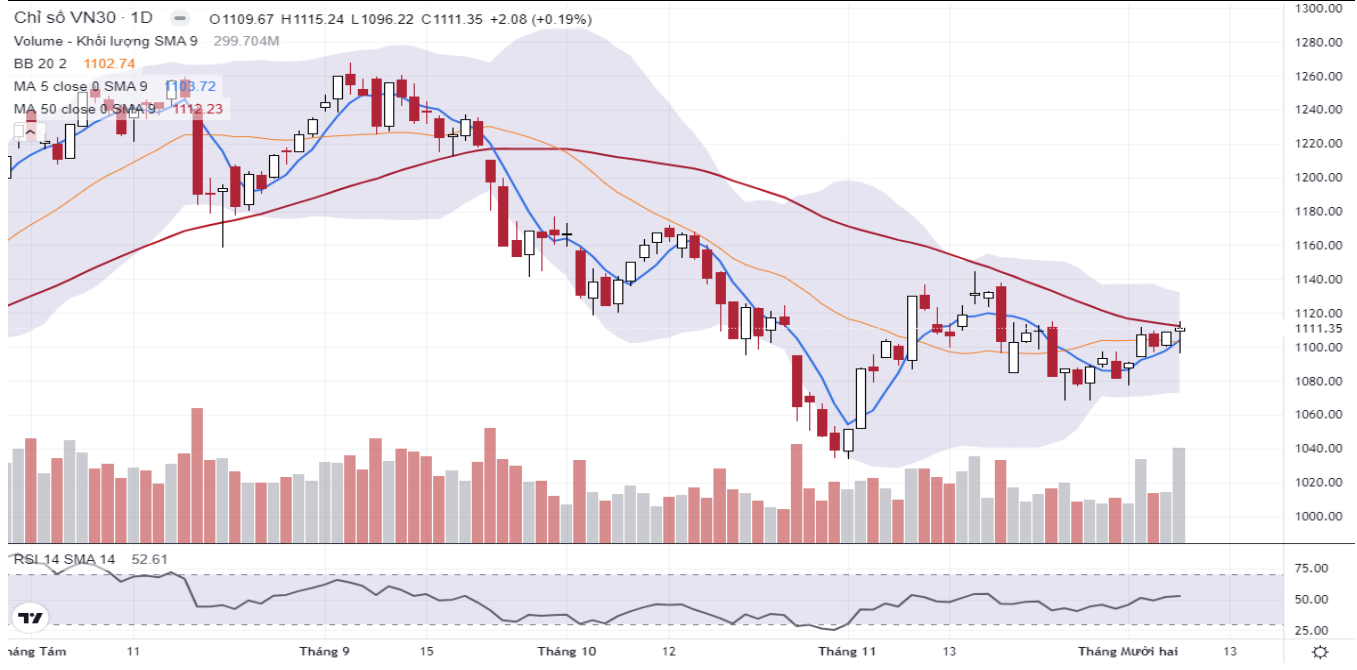
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến rung lắc trong hầu hết phiên giao dịch trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Lực cầu cho phản ứng tại quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+-15) cùng với yếu tố nâng đỡ từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng đã giúp cho chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu và hình thành mẫu nến rút chân. Với việc thanh khoản cao kỷ lục trong 3 tháng trở lại đây, phe mua cho thấy sự quyết đoán nhập cuộc khi chỉ số điều chỉnh về các ngưỡng hỗ trợ. Nhiều khả năng VNIndex vẫn có thể duy trì đà hồi phục lên vùng đích kỳ vọng được đặt tại 1150 (+-15) trước khi gặp áp lực điều chỉnh đáng kể trở lại.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+-15)

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1136 - 1140

Kháng cự gần: 1117 - 1121

Hỗ trợ gần: 1091 - 1095

Hỗ trợ xa: 1070 - 1075

— F1 diễn biến rung lắc mạnh trong phiên trước khi hồi phục mạnh mẽ về cuối phiên.

— Lực cầu cho phản ứng tại quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+-15) với thanh khoản tăng mạnh đã giúp cho F1 tránh được một phiên giảm điểm sâu, cho thấy phe mua đã có phần chủ động hơn. Nhiều khả năng F1 vẫn có thể duy trì đà hồi phục lên vùng đích kỳ vọng được đặt tại 1150 (+-15) trước khi gặp áp lực điều chỉnh đáng kể trở lại.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

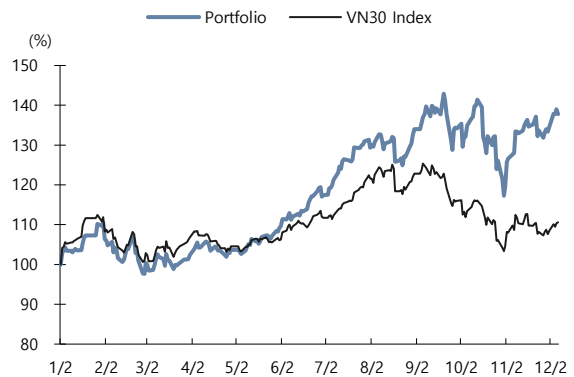
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.19%	-0.84%
Tăng lũy kế (YTD)	10.56%	37.82%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 07/12/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	32,850	-2.2%	21.0%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	78,500	-2.0%	9.0%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Kinh Bắc (KBC)	10/02/2023	32,200	-2.6%	-0.3%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,700	-0.6%	24.2%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	22,400	0.4%	3.7%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nhon Trach 2 (NT2)	11/01/2023	24,800	-0.4%	8.5%	- Kỳ vọng điện khí khả quan hơn từ 4Q2023 khi A0 tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023
Hoa Sen Group (HSG)	11/01/2023	22,450	-1.1%	26.8%	- Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ đã đẩy hết lượng hàng tồn kho giá cao - Cơ cấu tài chính an toàn
Vietinbank (CTG)	11/01/2023	26,900	0.9%	9.7%	- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá
FPT (FPT)	11/01/2023	94,300	-0.7%	10.4%	- Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực
Vinamilk (VNM)	11/01/2023	68,400	-0.1%	-2.8%	- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	-0.8%	23.5%	46.9
VHC	-0.1%	30.3%	45.6
OCB	0.7%	14.3%	28.8
SSI	-2.2%	43.4%	27.7
DGC	-0.8%	18.8%	26.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-1.9%	23.2%	-210.9
MSN	2.3%	28.7%	-102.4
STB	1.6%	24.0%	-94.2
FUEVFNVD	-0.3%	96.9%	-63.3
BCM	-1.8%	2.2%	-54.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.4%	1.6%	17.2
VCS	0.0%	2.7%	1.2
TNG	-0.5%	19.9%	0.8
TIG	0.0%	11.5%	0.5
SD5	0.0%	2.1%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.4%	1.6%	17.2
VCS	0.0%	2.7%	1.2
TNG	-0.5%	19.9%	0.8
TIG	0.0%	11.5%	0.5
SD5	0.0%	2.1%	0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	7.3%	TNH, JVC, VMD
Hàng hải	5.9%	VSC, VOS, SKG, VTO
Thiết bị điện	4.3%	GEX, SAM, CAV, RAL
Chứng khoán	4.1%	SSI, VND, HCM, VCI
Kim loại & khai thác	3.9%	HPG, HSG, NKG, KSB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	-3.5%	TMS, SCS, STG, ASG
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-2.1%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Ngành chứa phân loại	-1.9%	CKG, PSH, NHH, ABS
Giấy & lâm sản	-1.7%	DHC, HAP, HHP, VID
Dược	-1.2%	DHG, IMP, TRA, DBD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	14.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Xây dựng và kỹ thuật	14.8%	DIG, HDG, VCG, PC1
Hàng hải	13.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Sản phẩm xây dựng	11.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	11.8%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-8.5%	AST, VNG, DSN, DAH
Giấy & lâm sản	-3.4%	DHC, HAP, HHP, VID
Vận tải hàng không & Logistics	-3.0%	TMS, SCS, STG, ASG
Dược	-3.0%	DHG, IMP, TRA, DBD
Bảo hiểm	-2.2%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	176,551 (7.3)	22.5	37.0	254.0	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	0.0	0.6	1.7	-20.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	308,189 (12.7)	26.6	4.6	4.7	35.9	22.5	18.8	1.0	0.9	-0.1	-1.8	-1.3	-15.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	98,978 (4.1)	17.8	12.2	11.9	-7.6	12.1	11.2	1.4	1.3	0.2	-1.3	-4.6	-12.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	568,746 (23.4)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	-	-	0.5	1.1	23.6	30.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	54,930 (2.3)	11.6	24.5	22.7	13.7	9.1	10.5	1.8	1.8	-0.2	1.6	7.7	33.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	443,689 (18.3)	13.9	55.5	45.6	-	2.5	3.1	1.4	1.3	0.9	7.0	16.7	67.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	92,555 (3.8)	6.3	15.7	13.3	11.7	21.2	19.8	2.8	2.2	0.6	0.9	-4.0	26.8
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	35,561 (1.5)	12.7	11.7	9.2	-5.3	17.9	19.3	1.9	1.6	0.9	1.8	7.8	16.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	100,121 (4.1)	0.0	5.8	5.0	14.3	14.9	15.3	0.8	0.7	1.2	1.7	-1.9	17.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	86,426 (3.6)	1.4	7.8	6.4	50.3	15.8	17.3	1.1	1.0	0.6	1.3	4.3	9.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	200,184 (8.2)	0.0	11.9	9.0	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	1.3	0.8	-6.7	8.4
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	154,167 (6.3)	0.0	4.7	4.1	14.6	24.5	23.1	1.0	0.8	0.3	1.4	0.8	21.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	146,918 (6.0)	4.2	6.1	4.7	23.3	21.4	23.0	1.2	1.0	0.8	3.0	1.9	34.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	480,269 (19.8)	14.0	9.5	5.1	26.5	16.7	21.6	1.2	1.0	1.1	1.1	-4.6	24.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	106,745 (4.4)	0.0	7.1	6.2	37.4	16.6	17.4	1.1	1.0	2.3	3.6	5.1	15.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	187,275 (7.7)	0.2	-	-	27.3	7.7	11.4	-	-	1.9	4.4	5.0	-4.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,529 (0.5)	21.0	16.5	16.3	15.8	8.7	8.4	1.4	1.3	0.6	0.9	-1.6	-14.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,818 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.2	0.0	-2.5	9.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	748,419 (30.8)	55.4	23.9	21.5	-3.2	9.1	8.8	2.2	2.2	0.9	6.3	15.9	89.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	313,783 (12.9)	71.9	37.6	27.1	-4.0	7.9	10.8	3.0	2.9	0.9	5.1	13.7	89.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	161,831 (6.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	2.4	7.5	15.0	57.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	581,967 (24.0)	27.2	19.9	19.6	36.3	9.3	9.3	1.9	1.8	0.9	8.1	21.7	68.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	152,784 (6.3)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.1	30.1	4.6	4.3	0.6	0.1	-3.5	-10.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	42,883 (1.8)	36.9	18.6	17.5	7.3	18.8	21.5	3.5	3.8	1.9	-1.5	-1.5	-21.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	106,487 (4.4)	16.5	68.9	27.7	-51.9	3.9	11.7	3.3	3.0	1.1	-1.3	-3.0	-33.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	7,465 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	2.6	2.3	12.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	95,368 (3.9)	11.0	59.3	23.7	-88.5	5.4	13.7	3.7	3.2	0.7	-0.9	-1.4	-3.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	73,207 (3.0)	10.8	11.1	19.0	-57.0	31.3	13.4	2.5	2.3	0.4	0.7	6.8	55.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	172,987 (7.1)	38.4	36.0	23.0	65.7	2.4	3.8	-	-	2.5	5.8	10.7	40.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	475,221 (19.6)	37.7	33.9	28.5	-14.4	5.1	8.9	1.6	1.6	1.7	9.4	20.7	93.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	130,110 (5.4)	3.6	27.7	28.5	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	2.0	6.1	11.9	166.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	17,721 (0.7)	0.0	9.9	9.1	-4.5	13.2	13.0	1.3	1.2	-0.8	2.1	6.1	-5.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	42,569 (1.8)	46.1	15.9	16.5	-17.5	19.1	18.1	2.9	2.7	1.0	2.6	1.0	-5.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,890 (0.5)	31.4	18.2	12.8	-10.5	9.0	14.6	1.7	1.6	0.0	3.3	4.6	-13.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,338 (0.1)	34.1	13.3	7.0	-5.1	7.4	13.1	-	-	0.3	8.0	14.3	17.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	675,209 (27.8)	18.0	25.8	13.1	21.9	6.2	10.9	1.6	1.4	1.3	2.2	7.2	53.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	70,795 (2.9)	36.5	17.8	16.1	-0.5	6.4	7.8	1.1	1.1	1.2	4.3	6.9	-20.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	108,628 (4.5)	46.5	16.5	11.2	-4.5	10.5	15.8	1.4	1.4	1.4	5.5	13.8	25.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	296,177 (12.2)	38.9	20.1	16.0	67.9	6.6	8.7	1.3	1.2	1.8	4.4	13.5	102.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	25,534 (1.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	4.9	7.8	10.1	43.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	30,845 (1.3)	4.6	15.4	13.4	-51.0	12.9	12.8	1.8	1.7	1.0	0.3	8.0	13.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	147,498 (6.1)	39.9	34.8	14.0	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.1	1.2	1.9	12.6	63.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	123,127 (5.1)	35.9	9.4	8.0	2.2	15.6	15.6	1.3	1.2	1.9	3.8	12.7	22.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	385,566 (15.9)	0.0	58.4	19.3	14.4	1.3	8.7	2.4	2.3	2.4	5.5	7.6	-4.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	42,258 (1.7)	0.0	15.3	13.0	2.4	18.9	19.7	2.8	2.4	0.1	0.3	4.6	-10.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,276 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	5.3	10.3	9.9	111.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	41,186 (1.7)	30.3	201.8	41.5	-75.2	2.3	14.8	-	-	0.0	2.0	4.9	69.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	13,170 (0.5)	34.6	14.7	20.0	41.2	15.1	12.0	2.0	1.9	0.0	3.4	8.3	22.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,430 (0.1)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.9	24.4	2.8	2.4	-0.3	-0.2	-1.1	22.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	188,971 (7.8)	0.0	19.1	15.5	15.5	28.1	29.6	4.9	4.2	0.2	3.6	7.3	42.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.